


ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CTY CP XD SỐ 5 HN (Bản sửa đổi, bổ sung lần thứ bảy)	ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CTY CP XD SỐ 5 HN (Bản sửa đổi, bổ sung lần thứ tám)	GHI CHÚ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>	
ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5 HÀ NỘI (Bản sửa đổi, bổ sung lần thứ bảy)	ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5 HÀ NỘI (Bản sửa đổi, bổ sung lần thứ tám)	Thay đổi
Căn cứ vào:	I. Căn cứ vào:	
Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành	Thay đổi
Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 27 tháng 05 năm 2020;	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày..... thángnăm 20...;	Thay đổi
Chúng tôi, những cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 27/05/2020 đã nhất trí thông qua nội dung của bản Điều lệ và cùng nhau cam kết thực hiện những quy định trong bản Điều lệ này.	Chúng tôi, những cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 20..... ngàyđã nhất trí thông qua nội dung của bản Điều lệ và cùng nhau cam kết thực hiện những quy định trong bản Điều lệ này.	Thay đổi
Bản Điều lệ này chi phối toàn bộ những vấn đề về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây dựng số 5 Hà Nội.	Bản Điều lệ này chi phối toàn bộ những vấn đề về tổ chức và hoạt động của Công ty	
	II. Định nghĩa và giải thích từ ngữ trong Điều lệ:	Bổ sung mới
	Trong Điều lệ này, những từ ngữ sau đây được hiểu như sau:	
	1. " Công ty" có nghĩa là Công ty cổ phần Xây dựng số 5 Hà Nội	
	2. " Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/06/2020.	
	3. " Bộ luật lao động" là Bộ luật lao động số 45/2019/QH14 được thông qua ngày 20/11/2019	
	4." Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019	
	5. "Vốn điều lệ" có nghĩa là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 7 của Điều lệ này.	
	6. "Cổ phần" là phần vốn điều lệ của công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau.	
	7. " Cổ phiếu" là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành.	
	8. " Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty.	
	9. " Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một phần cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.	

	10. " <i>Cổ tức</i> " là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc tài sản khác.	Bổ sung mới
	11. " <i>Người quản lý phần vốn của doanh nghiệp nhà nước</i> " là người được Tổng công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Đô thị UDIC giao cho đại diện nắm giữ phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Xây dựng số 5 Hà Nội.	
	12. " <i>Người quản lý</i> " là Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí khác trong công ty được HĐQT, Giám đốc Phê chuẩn.	
	13. " <i>Cổ đông lớn</i> " là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty	
CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	
Điều 1: Hình thức tổ chức và tư cách pháp nhân	Điều 1: Hình thức tổ chức và tư cách pháp nhân	Thay đổi
1. Công ty cổ phần Xây dựng số 5 Hà Nội thuộc sở hữu của các cổ đông, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Hoạt động theo Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành.	1. Công ty cổ phần Xây dựng số 5 Hà Nội thuộc sở hữu của các cổ đông, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Hoạt động theo Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.	Thay đổi
2. Công ty cổ phần Xây dựng số 5 Hà Nội: Có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định hiện hành của Nhà nước.	2. Công ty cổ phần Xây dựng số 5 Hà Nội: Có tư cách pháp nhân, có dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định hiện hành của Nhà nước.	
2.1. Có vốn điều lệ và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ bằng số vốn đó.	2.1. Có vốn điều lệ và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ bằng số vốn đó.	
2.2. Hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.	2.2. Hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.	
2.3. Có điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.	2.3. Có điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.	
Điều 2: Tên Công ty, trụ sở và phạm vi hoạt động	Điều 2: Tên Công ty, trụ sở và phạm vi hoạt động	Thay đổi
1. Tên Công ty:	1. Tên Công ty:	
Tên gọi đầy đủ của Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5 HÀ NỘI	Tên gọi đầy đủ của Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 5 HÀ NỘI	
Tên gọi đầy đủ bằng tiếng Anh: HANOI CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY NO5	Tên gọi đầy đủ bằng tiếng Anh: HANOI CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY NO5	
Tên viết tắt: HCJSC 5	Tên viết tắt: HCJSC 5	
Biểu tượng Công ty:	Biểu tượng Công ty: 	
2. Địa chỉ:	2. Địa chỉ:	
Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 101 Phố Láng Hạ - Phường Láng Hạ - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội - Việt Nam.	Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 101 Phố Láng Hạ - Phường Láng Hạ - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội - Việt Nam.	

Điện thoại: (04)38562044 - (04)38532807	Điện thoại: 0243.856.2044 - 0243.853.2807	Thay đổi
Fax: (04)38562044	Fax: 0243.856.2044	Thay đổi
3. Phạm vi hoạt động:	3. Phạm vi hoạt động:	
Công ty cổ phần Xây dựng số 5 Hà Nội hoạt động trên phạm vi lãnh thổ Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Công ty có thể mở chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật Việt Nam, nước sở tại và thông lệ Quốc tế.	Công ty cổ phần Xây dựng số 5 Hà Nội hoạt động trên phạm vi lãnh thổ Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Công ty có thể mở chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật Việt Nam, nước sở tại và thông lệ Quốc tế.	
Điều 3: Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh:	Điều 3: Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh:	Thay đổi
1. Mục tiêu:	1. Mục tiêu:	
	Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của mình và các ngành nghề khác phù hợp với Pháp Luật, khai thác tối đa các nguồn lực của công ty, tối đa hoá lợi nhuận, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập cho người lao động, đảm bảo hài hoà lợi ích của người lao động và cổ đông, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, ổn định và phát triển công ty.	Bổ sung mới
- Công ty được thành lập từ việc cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước, nhằm nâng cao hiệu quả sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Thay đổi phương thức quản lý với nhiều chủ sở hữu, tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động cho doanh nghiệp để sử dụng có hiệu quả vốn của Nhà nước, của doanh nghiệp và của các nhà đầu tư.	- Công ty được thành lập từ việc chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần, nhằm nâng cao hiệu quả sức cạnh tranh của doanh nghiệp, thay đổi phương thức quản lý với nhiều chủ sở hữu, tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động cho doanh nghiệp để sử dụng có hiệu quả vốn của Nhà nước, của doanh nghiệp và của các nhà đầu tư.	
- Tạo điều kiện huy động vốn toàn xã hội, cá nhân các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trong và ngoài nước để đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển doanh nghiệp.	Tạo điều kiện huy động vốn toàn xã hội bao gồm các cá nhân, các tổ chức trong và ngoài nước để đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển doanh nghiệp.	
- Phát huy vai trò làm chủ thực sự của người lao động, của các cổ đông. Tăng cường giám sát của nhà đầu tư đối với doanh nghiệp, đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động.	- Phát huy vai trò làm chủ thực sự của người lao động, của các cổ đông. Tăng cường giám sát của nhà đầu tư đối với doanh nghiệp, đảm bảo hài hòa lợi ích của người lao động và cổ đông	
2. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Xây dựng số 5 Hà Nội:	2. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Xây dựng số 5 Hà Nội:	
- Xây dựng công trình công cộng; xây dựng công trình nhà ở; xây dựng các công trình công nghiệp; các công trình hạ tầng (đường xá, cầu cống); xây dựng khác; thi công xây dựng, sửa chữa, tôn tạo các công trình văn hóa di tích lịch sử, đền, chùa, nhà thờ và danh lam thắng cảnh;	Xây dựng nhà các loại - Mã: 4100 (Chi tiết: Xây dựng công trình công cộng, xây dựng công trình nhà ở; Xây dựng các công trình công nghiệp thi công xây dựng, sửa chữa, tôn tạo các công trình văn hoá di tích lịch sử, đền, chùa, nhà thờ và danh lam thắng cảnh;)	Theo Giấy CN đăng ký kinh doanh
- Kinh doanh nhà; kinh doanh khách sạn và dịch vụ du lịch, được cho thuê nhà thuộc sở hữu Công ty (theo quy định của Nhà nước)		
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng;		
- Lập, quản lý và thực hiện dự án đầu tư xây dựng các khu đô thị, khu nhà ở;		
- Tư vấn về đầu tư và xây dựng cho các chủ đầu tư trong nước và nước ngoài về giải phóng mặt bằng đất đai;		

- Tư vấn về đầu tư và xây dựng (không bao gồm tư vấn Pháp luật và thiết kế công trình) lập các dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư, soạn thảo hồ sơ mời thầu, giám sát quản lý quá trình thi công xây lắp, quản lý chi phí xây dựng, nghiệm thu công trình;		
- Xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị công trình thể dục thể thao và vui chơi		
- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành xây dựng, thể dục thể thao và vui chơi giải trí;		
- Kinh doanh các loại dịch vụ khách sạn (rượu, thuốc lá điều sản xuất trong nước, xoa bóp (không bao gồm day bấm huyệt) nhà hàng ăn uống, cắt tóc gội đầu, hàng thủ công mỹ nghệ)		
- Dịch vụ quản lý bất động sản, dịch vụ trông giữ phương tiện, sửa chữa máy móc thiết bị, sửa chữa thiết bị điện, sửa chữa thiết bị khác, lắp đặt hệ thống điện, lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi, điều hoà không khí, lắp đặt hệ thống xây dựng khác, vệ sinh chung nhà cửa, vệ sinh nhà cửa và các công trình khác, dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.		
	3. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty:	Bổ sung mới
	3.1. Công ty được tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh như quy định trong Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp được Sở kế hoạch và đầu tư thành Phố Hà Nội cấp và bản Điều lệ này, phù hợp với quy định của Pháp Luật	Bổ sung mới
	3.2. Công ty được quyền tiến hành hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua những hoạt động kinh doanh khác mà pháp luật cho phép.	Bổ sung mới
Điều 4: Thời hạn hoạt động	Điều 4: Thời hạn hoạt động	Thay đổi
1. Thời hạn hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 Hà Nội là: 30 năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.	1. Thời hạn hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 Hà Nội là: 30 năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.	Thay đổi
2. Thời gian hoạt động của Công ty có thể được gia hạn hoặc rút ngắn do Đại hội đồng cổ đông quyết định và thực hiện theo Luật Doanh nghiệp.	2. Thời gian hoạt động của Công ty có thể được gia hạn hoặc rút ngắn do Đại hội đồng cổ đông quyết định và thực hiện theo Luật Doanh nghiệp.	
Điều 5: Nguyên tắc tổ chức và hoạt động	Điều 5: Nguyên tắc tổ chức và hoạt động	Không thay đổi
1. Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 Hà Nội tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.	1. Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 Hà Nội tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật. Công ty tổ chức và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.	
2. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty.	2. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.	

3. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm.	3. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	
4. Ban kiểm soát là cơ quan kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm.	4. Ban kiểm soát là cơ quan kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm.	
5. Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc thuê. Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần và là người điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty cổ phần.	5. Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc thuê. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và là người điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty và đăng ký kinh doanh của Doanh nghiệp.	
Điều 6: Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty cổ phần	Điều 6: Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty cổ phần	Không thay đổi
1. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam trong Công ty cổ phần hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, Điều lệ và các quy định của Đảng cộng sản Việt Nam.	1. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam trong Công ty cổ phần hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, Điều lệ và các quy định của Đảng cộng sản Việt Nam.	
2. Tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty cổ phần hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của tổ chức đó.	2. Tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty cổ phần hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của tổ chức đó.	
CHƯƠNG II VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG	CHƯƠNG II VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG	
Điều 7: Vốn Điều lệ	Điều 7: Vốn Điều lệ	Không thay đổi
1. Vốn Điều lệ Công ty là: 37.324.500.000,0 (Ba bảy tỷ, ba trăm hai mươi bốn triệu, năm trăm nghìn đồng)	1. Vốn Điều lệ Công ty là: 37.324.500.000,0 (Ba bảy tỷ, ba trăm hai mươi bốn triệu, năm trăm nghìn đồng)	
Trong đó:	Trong đó:	
Số cổ phần Trị giá (VNĐ) Chiếm tỷ lệ%	Số cổ phần Trị giá (VNĐ) Chiếm tỷ lệ%	
Số cổ phần Nhà nước nắm giữ: 1.355.250 CP 13.552.500.000 VNĐ 36,31%	Số cổ phần doanh nghiệp nhà nước nắm giữ: 1.355.250 CP 13.552.500.000 VNĐ 36,31%	
Số cổ phần các cổ đông khác nắm giữ: 2.377.200 CP 23.772.000.000 VNĐ 63,69%	Số cổ phần các cổ đông khác nắm giữ: 2.377.200 CP 23.772.000.000 VNĐ 63,69%	
2. Vốn Điều lệ được chia thành: 3.732.450 cổ phần (Ba triệu, bảy trăm ba mươi hai nghìn, bốn trăm năm mươi cổ phần). Cổ phần được phát hành dưới hình thức cổ phiếu. Giá trị một cổ phần (mệnh giá cổ phiếu) là: 10.000 đồng (mười nghìn đồng).	2. Vốn Điều lệ được chia thành: 3.732.450 cổ phần (Ba triệu, bảy trăm ba mươi hai nghìn, bốn trăm năm mươi cổ phần). Cổ phần được phát hành dưới hình thức cổ phiếu. Giá trị một cổ phần (mệnh giá cổ phiếu) là: 10.000 đồng (mười nghìn đồng).	
3. Sử dụng vốn điều lệ: Vốn điều lệ chỉ được sử dụng vào mục đích kinh doanh, không được sử dụng Vốn điều lệ để chia cổ tức hoặc phân tán cho các cổ đông.	3. Sử dụng vốn điều lệ: Vốn điều lệ chỉ được sử dụng vào mục đích kinh doanh, không được sử dụng Vốn điều lệ để chia cổ tức hoặc phân tán cho các cổ đông.	
4. Điều chỉnh vốn điều lệ:	4. Điều chỉnh vốn điều lệ:	
4.1. Vốn điều lệ có thể được điều chỉnh (tăng hoặc giảm) theo nhu cầu kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.	4.1. Vốn điều lệ có thể được điều chỉnh (tăng hoặc giảm) theo nhu cầu kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.	

4.2. Việc điều chỉnh vốn điều lệ do Đại hội cổ đông quyết định theo đúng quy định của pháp luật.	4.2. Việc điều chỉnh vốn điều lệ do Đại hội cổ đông quyết định theo đúng quy định của pháp luật.	
Điều 8: Quản lý Vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần	Điều 8: Quản lý Vốn của Doanh nghiệp Nhà nước tại Công ty cổ phần	Không thay đổi
1. Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Đô thị là cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn góp của Nhà nước tại Công ty cổ phần Xây dựng số 5 Hà Nội.	1. Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Đô thị là cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn góp của doanh nghiệp nhà nước tại Công ty.	
2. Người quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần thực hiện quyền của mình theo các quy định hiện hành của Chính phủ về quản lý tài chính của Công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác.	2. Người quản lý phần vốn của doanh nghiệp nhà nước tại Công ty thực hiện quyền của mình theo các quy định hiện hành của Pháp luật về quản lý tài chính của Công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác.	
Điều 9: Đóng góp cổ phần	Điều 9: Mua cổ phần	Thay đổi
1. Cổ phần được đóng góp bằng tiền Việt Nam.	1. Cổ phần được mua bằng tiền Việt Nam.	Thay đổi
2. Việc đăng ký mua cổ phần được xác nhận bằng một tờ phiếu có chữ ký của người mua (hoặc người được uỷ quyền mua) và của Chủ tịch Hội đồng quản trị khi Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu. Giá trị cổ phần đăng ký mua phải thanh toán ngay một lần sau khi có thông báo của Công ty.	2. Việc đăng ký mua cổ phần phải được thực hiện theo quy định của Pháp Luật và Luật Doanh nghiệp hiện hành.	Thay đổi
Điều 10: Các loại cổ phần	Điều 10: Các loại cổ phần	Không thay đổi
Tất cả các cổ phần được phát hành lần đầu của Công ty đều là cổ phần phổ thông, mệnh giá của một cổ phần quy định thống nhất là: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng).	Tất cả các cổ phần được phát hành lần đầu của Công ty đều là cổ phần phổ thông, mệnh giá của một cổ phần quy định thống nhất là: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng). Khi công ty có nhu cầu phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ thì công ty sẽ thực hiện theo các quy định của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định Pháp luật hiện hành.	
Điều 11: Chào bán và chuyển nhượng cổ phần	Điều 11: Chào bán và chuyển nhượng cổ phần	Thay đổi
1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:	Việc chào bán và chuyển nhượng cổ phần phải được thực hiện theo quy định của Pháp Luật và Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán đối với Công ty đại chúng. Riêng việc chào bán và chuyển nhượng cổ phần liên quan đến phần vốn của doanh nghiệp nhà nước ngoài thực hiện theo các quy định chung còn phải thực hiện theo các quy định khác của pháp luật về quản lý, đầu tư, sử dụng vốn của doanh nghiệp nhà nước.	Thay đổi
a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;		
b. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;		

<p>c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;</p>		
<p>2. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại công ty thì:</p>		
<p>a. Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của họ trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần.</p>		
<p>b. Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại công ty; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do công ty phát hành;</p>		
<p>c. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;</p>		
<p>d. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua trung tâm giao dịch chứng khoán.</p>		
<p>3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại Khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông ; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của công ty.</p>		
<p>4. Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong công ty.</p>		

<p>5. Các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 của Luật Doanh nghiệp.</p>		
<p>6. Cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát trong thời gian đương nhiệm chỉ được chuyển nhượng sau khi thôi giữ chức vụ.</p>		
<p>Trường hợp đặc biệt có thể cho phép thành viên Hội đồng quản trị được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình khi được 100% thành viên còn lại của Hội đồng quản trị nhất trí.</p>		
<p>Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn của các cổ đông xin chuyển nhượng cổ phần, Hội đồng quản trị xem xét, xử lý việc chuyển nhượng.</p>		
<p>Trường hợp không chấp thuận cho chuyển nhượng cổ phần Hội đồng quản trị thông báo rõ lý do bằng văn bản cho các cổ đông xin chuyển nhượng.</p>		
<p>7. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.</p>		
<p>Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại Khoản này.</p>		
<p>Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản này với giá thị trường trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</p>		
<p>8. Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty</p>		
<p>Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:</p>		
<p>a. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;</p>		

<p>b. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Điểm c Khoản này. Đối với cổ phần loại khác, nếu công ty và cổ đông có liên quan không có thoả thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;</p>		
<p>c. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho công ty.</p>		
<p>Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được công ty trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên</p>		
<p>9. Thủ tục chuyển nhượng cổ phần:</p>		
<p>- Việc chuyển nhượng phải được thực hiện bằng hợp đồng chuyển nhượng giữa hai bên và nộp vào Văn phòng Công ty. Sau khi hoàn thành thủ tục chuyển nhượng, người sở hữu cổ phần đăng ký tại sổ lưu của Công ty, lúc đó cổ đông này mặc nhiên phải tuân thủ Điều lệ của Công ty cổ phần.</p>		
<p>- Giá cả chuyển nhượng do hai bên thoả thuận và tự chịu trách nhiệm.</p>		
<p>Điều 12: Thừa kế cổ phần</p>	<p>Điều 12: Thừa kế cổ phần</p>	<p>Thay đổi</p>
<p>1. Công ty tôn trọng quyền thừa kế cổ phần theo luật định. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế cổ phần thì phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục công chứng thư. Công ty không tham gia xử lý tranh chấp của những người thừa kế.</p>	<p>Quyền thừa kế cổ phần theo Quy định tại Điều 127 Luật Doanh nghiệp và Pháp luật hiện hành</p>	

<p>2. Trong trường hợp cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức khác thực hiện chuyển đổi, sát nhập, hợp nhất, tách chia, giải thể thì tổ chức hoặc pháp nhân mới thừa kế quyền và nghĩa vụ của cổ đông cũ phải gửi cho Hội đồng quản trị của Công ty các văn bản pháp lý về việc chuyển đổi, sát nhập, hợp nhất, tách chia, hoặc thừa kế và văn bản cử người đại diện.</p>		
<p>3. Người thừa kế hợp pháp phải thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký để trở thành cổ đông mới, được hưởng mọi quyền lợi và phải thực hiện mọi nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế. Cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cán bộ quản lý khác cũng được quyền thừa kế, nhưng người được thừa kế quyền sở hữu cổ phiếu không được đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cán bộ quản lý tương ứng.</p>		
<p>4. Trường hợp cổ đông qua đời mà không có người thừa kế, thì cổ phần mà họ sở hữu sẽ được xử lý theo quy định của Nhà nước và pháp luật.</p>		
<p>5. Khi được quyền sở hữu hoặc quyền thừa kế hợp pháp, cổ đông mới được hưởng mọi quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế.</p>		
<p>Điều 13: Cổ phiếu</p>	<p>Điều 13: Cổ phiếu</p>	<p>Thay đổi</p>
<p>1. Hình thức:</p>	<p>1. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	<p>Thay đổi (Theo Khoản 1 Điều 121)</p>
<p>Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên.</p>	<p>a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;</p>	
<p>2. Hình thức cổ phiếu theo quy định của Bộ Tài chính. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu:</p>	<p>b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;</p>	
<p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;</p>	<p>c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;</p>	
<p>b. Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;</p>	<p>d). Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</p>	
<p>c. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;</p>	<p>e) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;</p>	
<p>d. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;</p>	<p>g) Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của công ty;</p>	
<p>đ. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu có ghi tên;</p>	<p>h) Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu;</p>	
<p>e. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;</p>	<p>i) Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.</p>	
<p>g. Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của công ty;</p>		

h. Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu;		
i. Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.		
Mọi cổ phiếu đều được đóng dấu chính thức của Công ty và có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Nếu cổ phiếu bị rách, bị mờ, bị cháy, bị mất hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông đó và phải chịu mọi phí tổn cho việc cấp lại cổ phiếu theo mức do Hội đồng quản trị quy định.		
Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:		
- Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy;		
- Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.		
Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.		
Điều 14: Phát hành trái phiếu	Điều 14: Phát hành trái phiếu	Không thay đổi
1. Khi đủ điều kiện theo luật định, Công ty được phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật.	1. Khi đủ điều kiện theo luật định, Công ty được phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật.	
2. Đại hội cổ đông quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành.	2. Đại hội đồng cổ đông quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành.	
Điều 15: Cổ đông và số đăng ký cổ đông	Điều 15: Cổ đông	Thay đổi
1. Cổ đông của Công ty là những pháp nhân hoặc thể nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đầy đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông của Công ty	Cổ đông của Công ty là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.	Thay đổi

<p>2. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ dưới dạng văn bản ; tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này, khi cổ đông có thay đổi những thông tin của bản thân cổ đông, thì cổ đông đó phải tự đến báo cáo Công ty để Công ty hiệu chỉnh thông tin của cổ đông đó, nếu không thông báo thì cổ đông đó phải tự chịu trách nhiệm. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Điều 121.2 Luật Doanh nghiệp.</p>		Bỏ
<p>Điều 16: Quyền và nghĩa vụ của cổ đông</p>	<p>Điều 16: Quyền và nghĩa vụ của cổ đông</p>	Thay đổi
<p>1. Quyền của cổ đông:</p>	<p>1. Quyền của cổ đông:</p>	
<p>1.1. Tham dự và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.</p>	<p>1.1. Tham dự và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.</p>	
<p>1.2. Được nhận cổ tức tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu theo mức quy định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>1.2. Được nhận cổ tức tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu theo mức quy định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<p>1.3. Được chuyển nhượng cổ phần theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>1.3. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;</p>	Theo Điểm d Khoản 1 Điều 115
<p>1.4. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty.</p>	<p>1.4. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty.</p>	
<p>1.5. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ số cổ phần góp vốn vào Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán cho các chủ nợ và các khoản nợ khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.</p>	<p>1.5. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ số cổ phần góp vốn vào Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán cho các chủ nợ và các khoản nợ khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.</p>	
<p>1.6. Được uỷ quyền bằng văn bản cho người khác tham dự Đại hội đồng cổ đông, người được uỷ quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình.</p>	<p>1.6. Được uỷ quyền bằng văn bản cho người khác tham dự Đại hội đồng cổ đông, người được uỷ quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình.</p>	
<p>1.7. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa các thông tin không chính xác;</p>	<p>1.7. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;</p>	Theo Điểm d Điều 115
<p>1.8. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>1.8. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>1.9. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p>	<p>1.9. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p>	
<p>1.10. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng, có quyền:</p>	<p>1.10. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:</p>	Thay đổi (Theo Khoản 2 Điều 115)
<p>a. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p>	<p>a. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p>	
<p>b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp:</p>	<p>b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp:</p>	
<p>- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.</p>	<p>- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.</p>	
<p>- Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.</p>	<p>- Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.</p>	

<p>c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát.</p>	<p>c. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;</p>	<p>Thay đổi (Theo Điểm a Khoản 2 Điều 115)</p>
<p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p>	<p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p>	<p>Thay đổi (Theo Điểm c Khoản 2 Điều 115)</p>
<p>e. Và các quyền khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>e. Và các quyền khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	
<p>2. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông:</p>	<p>2. Nghĩa vụ của cổ đông:</p>	<p>Theo Điều 119</p>
<p>2.1. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p>	<p>2.1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.</p>	
<p>Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần.</p>	<p>2.2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p>	
<p>2.2. Tuân thủ Điều lệ và quy định quản lý nội bộ của Công ty. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty.</p>	<p>2.3. Tuân thủ Điều lệ công ty và quy chế quản lý nội bộ của công ty.</p>	
<p>2.3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.</p>	<p>2.4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p>	
	<p>2.5. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p>	
<p>2.4. Thực hiện các nghĩa vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này của Công ty cổ phần.</p>	<p>2.6. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.</p>	
<p>2.5. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p>		
<p>a. Vi phạm pháp luật.</p>		

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.		
c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.		
CHƯƠNG III ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	CHƯƠNG III ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	
Điều 17: Thẩm quyền và nhiệm vụ	Điều 17: Thẩm quyền và nghĩa vụ	Thay đổi
1. Thẩm quyền:		
Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần.	1. Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty .	
2. Thời hạn họp Đại hội đồng cổ đông: Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm một lần trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn nhưng không quá 6 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp khẩn cấp có thể tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.	2. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:	Thay đổi (Theo Khoản 1,2 Điều 139)
	2.1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.	
	2.2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	
3. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông:	3. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:	
3.1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty.	3.1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty.	
3.2. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, phương thức bán, đối tượng mua. Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.	3.2. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, phương thức bán, đối tượng mua. Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.	
3.3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông).	3.3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát (xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông).	
3.4. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.	3.4. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.	Thay đổi (Theo Điểm d Khoản 2 Điều 138)

3.5. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.	3.5. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.	
3.6. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.	3.6. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.	
3.7. Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty.	3.7. Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty.	
3.8. Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần phổ thông đã bán.	3.8. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phổ thông đã bán.	
3.9. Quyết định về tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những quy định khác liên quan tới Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.	3.9. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết.	Thay đổi (Áp dụng Điểm k,l,n tại Khoản 2 Điều 138)
3.10. Quyết định tăng giảm vốn Điều lệ.	3.10. Quyết định tăng giảm vốn Điều lệ.	
3.11. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp.	3.11. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp.	
Điều 18: Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 18: Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	Thay đổi
1. Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp:	1. Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp:	
1.1. Theo quyết định của Hội đồng quản trị.	1.1. Theo quyết định của Hội đồng quản trị.	
1.2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp:	1.2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:	Thay đổi (Theo Khoản 1 Điều 140)
a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích công ty	a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích công ty	
b. Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật.	b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;	Điểm b Khoản 1 Điều 140
c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% vốn Điều lệ trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng.	c. Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên	Thay đổi (Theo Khoản 2 Điều 115)
d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát trong trường hợp xét thấy Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý, hoặc Hội đồng quản trị ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao, hoặc nhận thấy có dấu hiệu bất thường trong hoạt động sản xuất kinh doanh có khả năng gây phương hại đến lợi ích của Công ty và của cổ đông.	d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát trong trường hợp xét thấy Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý, hoặc Hội đồng quản trị ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao, hoặc nhận thấy có dấu hiệu bất thường trong hoạt động sản xuất kinh doanh có khả năng gây phương hại đến lợi ích của Công ty và của cổ đông.	
e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị không còn đủ như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều này.	2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị không còn đủ như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều này.	Thay đổi

<p>Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.</p>	<p>Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các Thành viên HĐQT phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.</p>	<p>Thay đổi (Theo Khoản 2 Điều 140)</p>
<p>Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp trong thời hạn quy định thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định. Nếu Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.</p>	<p>3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp trong thời hạn quy định tại Khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp. Nếu Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.</p>	<p>Thay đổi (Theo Khoản 3 Điều 140)</p>
<p>Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.</p>	<p>4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều này thì Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Thay đổi (Theo Khoản 4 Điều 140)</p>
<p>Chi phí cho việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại.</p>		
<p>3. Người triệu tập họp phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình nội dung họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi Giấy triệu tập đến từng cổ đông có quyền dự họp.</p>	<p>5. Người triệu tập họp phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình nội dung họp, chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp, dự thảo Nghị quyết, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi Giấy triệu tập đến từng cổ đông có quyền dự họp. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p>	
	<p>6. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 2,3 và 4 Điều này sẽ được công ty hoàn lại.</p>	
<p>Điều 19: Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 19: Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Thay đổi</p>
<p>1. Cổ đông phổ thông được quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty.</p>		

<p>2. Cổ đông có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền phải trình cho Ban tổ chức Đại hội 03 ngày trước ngày khai mạc Đại hội mới được thực hiện các quyền hạn được ủy quyền. Người ủy quyền có thể thu hồi sự ủy quyền bằng cách lập văn bản thông báo gửi cho Hội đồng quản trị trước ngày cuộc họp Đại hội cổ đông được tiến hành. Việc ủy quyền chỉ được thực hiện từng lần. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.</p>		<p>(Bổ vì đã có ở Điều 1.1 và Điều 1.6 Khoản 1 Điều 16)</p>
<p>3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi Giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông phải có đầy đủ các thông tin theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi Giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông phải có đầy đủ các thông tin theo quy định tại Điều 141 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Thay đổi (Theo Khoản 1 Điều 141)</p>
<p>4. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến được địa chỉ thường trú của tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của tất cả các cổ đông. Thông báo mời họp phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình, nội dung họp, phiếu biểu quyết và các tài liệu thảo luận, dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp</p>	<p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến được địa chỉ thường trú của tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của tất cả các cổ đông. Thông báo mời họp phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 143 Luật Doanh nghiệp. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình, nội dung họp, phiếu biểu quyết và các tài liệu thảo luận, dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp</p>	<p>Thay đổi (Theo Khoản 1 Điều 143)</p>
<p>5. Trong trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, thay thế cho người chuyển nhượng với số cổ phần đã chuyển nhượng.</p>		
<p>Điều 20: Điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 20: Điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Thay đổi</p>
<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.</p>	<p>Thay đổi (Theo Khoản 1 Điều 145)</p>
<p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định nêu trên, thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự kiến họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần này được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p>	<p>Thay đổi (Theo Khoản 2 Điều 145)</p>

<p>3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện theo quy định nêu trên, thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p>	<p>3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện theo quy định nêu trên, thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p>	
<p>4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo giấy mời họp.</p>	<p>4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp</p>	Thay đổi
<p>5. Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:</p>	<p>5. Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông: Thực hiện theo Điều 146 Luật Doanh</p>	Thay đổi
<p>5.1. Ban tổ chức Đại hội có nhiệm vụ kiểm tra xác nhận tư cách của cổ đông, người đại diện tham dự và lập danh sách hiện diện (ghi tên cổ đông, số cổ phần sở hữu, cổ phần đại diện).</p>		
<p>5.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; hoặc người được ủy quyền hợp lệ của Chủ tịch Hội đồng quản trị; trường hợp Chủ tịch vắng mặt mà không có ủy quyền hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p>		
<p>5.3. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu gồm một hoặc một số người theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Biên bản kiểm phiếu phải có đủ chữ ký của các kiểm phiếu viên và được Chủ tọa và thư ký Đại hội xác nhận.</p>		
<p>Diễn biến của Đại hội phải được ghi chép vào sổ biên bản có chữ ký của Chủ tọa và thư ký.</p>		
<p>Điều 21: Thể thức thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 21: Hình thức và điều kiện thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>	Thay đổi
<p>1. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng hình thức biểu quyết công khai (hoặc bỏ phiếu kín). Riêng việc bầu và bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát Công ty phải thực hiện bằng bỏ phiếu kín.</p>	<p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 Điều này:</p>	Khoản 1 Điều 147
<p>2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau:</p>	<p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p>	

	b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;	
	c) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.	
	d) Tổ chức lại, giải thể công ty;	
2.1. Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.	2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (Theo Điều 17 của Điều lệ này), trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 Điều này.	Thay đổi (Theo Khoản 1 Điều 148)
2.2. Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại được quyền chào bán, bổ sung Điều lệ công ty, tổ chức lại, giải thể Công ty, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận. Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại cổ phần được quyền chào bán và quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty có thể được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Việc áp dụng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong những trường hợp này do Hội đồng quản trị quyết định.	3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.	
2.3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.	4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.	
3. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu đạt được ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận (thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo quy định Điều 145 của Luật Doanh nghiệp).	5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.	Thay đổi (Theo Khoản 4 Điều 148)
Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.		

<p>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bế mạc hội nghị.</p>	<p>6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bế mạc hội nghị. Việc gửi Biên bản và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có thể được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty (Website: CH5.vn)</p>	<p>Thay đổi (Theo Khoản 5 Điều 148)</p>
<p>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở Công ty.</p>	<p>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở Công ty.</p>	
<p>Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>7. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Thay đổi (Theo Điều 151)</p>
<p>4.1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p>	<p>8. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật này và Điều lệ công ty;</p>	<p>Khoản 2 Điều 152</p>
<p>4.2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p>		
<p style="text-align: center;">CHƯƠNG IV</p>	<p style="text-align: center;">CHƯƠNG IV</p>	
<p style="text-align: center;">HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	<p style="text-align: center;">HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	
<p>Điều 22: Cơ cấu của Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 22: Cơ cấu của Hội đồng quản trị</p>	<p>Thay đổi</p>
<p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty cổ phần Xây dựng số 5 Hà Nội có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty giữa hai nhiệm kỳ Đại hội, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p style="text-align: center;">(Bỏ vì đã có tại Khoản 1 Điều 25 của Điều lệ công ty)</p>	<p style="text-align: center;">Bỏ</p>

<p>2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây dựng số 5 Hà Nội là năm năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là không quá năm năm, thành viên của Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>1. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là không quá năm năm, thành viên của Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	
<p>Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p>		Bỏ
<p>3. Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Xây dựng số 5 Hà Nội có 05 người gồm: Chủ tịch và các thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị do các thành viên Hội đồng quản trị bầu từ một trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc quá bán (mỗi thành viên Hội đồng quản trị có 01 phiếu bầu)</p>	<p>2. Hội đồng quản trị của Công ty có 05 người gồm: Chủ tịch và các thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị do các thành viên Hội đồng quản trị bầu từ một trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc quá bán (mỗi thành viên Hội đồng quản trị có 01 phiếu bầu)</p>	
<p>4. Tổng Công ty Đầu tư phát triển hạ tầng đô thị là chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Xây dựng số 5 Hà Nội và là một cổ đông pháp nhân tại Công ty cổ phần Xây dựng số 5 Hà Nội. Tổng Công ty Đầu tư phát triển hạ tầng đô thị sẽ quyết định cử người tham gia thực hiện quyền, nghĩa vụ và quản lý phần vốn của Nhà nước tại Công ty cổ phần Xây dựng số 5 Hà Nội.</p>	<p>3. Tổng Công ty Đầu tư phát triển hạ tầng đô thị là chủ sở hữu phần vốn của Doanh nghiệp Nhà nước tại Công ty và là một cổ đông pháp nhân tại Công ty. Tổng Công ty Đầu tư phát triển hạ tầng đô thị sẽ quyết định cử người tham gia thực hiện quyền, nghĩa vụ và quản lý phần vốn của Doanh nghiệp Nhà nước tại Công ty.</p>	
<p>Điều 23: Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 23: Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị</p>	Thay đổi
<p>Thành viên Hội đồng quản trị phải là người có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p>	<p>Thành viên Hội đồng quản trị phải là người có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p>	
<p>1. Là công dân Việt Nam có trình độ đại học, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp.</p>	<p>1. Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.</p>	
<p>2. Có phẩm chất đạo đức, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết pháp luật.</p>	<p>2. Là công dân Việt Nam có trình độ đại học, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty.</p>	Thay đổi (Theo Điểm b Khoản 1 Điều 155)
<p>3. Có đủ sức khoẻ, có đủ năng lực hành vi dân sự.</p>	<p>3. Có phẩm chất đạo đức, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết pháp luật.</p>	
<p>4. Là cổ đông đại diện pháp nhân sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trở lên hoặc là cổ đông thể nhân sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty và có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản lý trong các lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty.</p>	<p>4. Có đủ sức khoẻ, có đủ năng lực hành vi dân sự.</p>	
<p>5. Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>5. Là cổ đông của Công ty</p>	

Điều 24: Thể thức, ứng cử, đề cử và bầu vào Hội đồng quản trị	Điều 24: Thể thức, ứng cử, đề cử và bầu vào Hội đồng quản trị	Thay đổi
1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng có quyền tự ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.		(Bỏ vì Luật không quy định)
2. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên; Cổ đông nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên; Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên; Cổ đông nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên; Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên; Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên; Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên; Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng cử viên.	1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 05% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên; Cổ đông nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên; Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên; Cổ đông nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên; Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên; Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên; Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên; Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng cử viên.	
3. Những người ứng cử và được đề cử phải thoả mãn tiêu chuẩn tại Điều 23 của bản Điều lệ này.	2. Những người ứng cử và được đề cử phải thoả mãn tiêu chuẩn tại Điều 23 của bản Điều lệ này.	
4. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải được tiến hành theo phương thức bầu dồn phiếu.	3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải được tiến hành theo phương thức bầu dồn phiếu.	
5. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này.	4. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này.	
6. Phiên họp đầu tiên của Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị được tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu kín (mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu). Người được trúng cử Chủ tịch Hội đồng quản trị phải thu được số phiếu quá bán so với số thành viên Hội đồng quản trị của Công ty.	5. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Phiên họp đầu tiên của Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị được tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu kín (mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu). Người được trúng cử Chủ tịch Hội đồng quản trị phải thu được số phiếu quá bán so với số thành viên Hội đồng quản trị của Công ty.	Khoản 1 Điều 157
Điều 25: Quyền hạn và nghĩa vụ, trách nhiệm của Hội đồng quản trị	Điều 25: Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của Hội đồng quản trị	Thay đổi
Quyền hạn:	Bỏ vì có tại Khoản 2 Điều này	

<p>1. Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Xây dựng số 5 Hà Nội là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những quyền thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Thay đổi (Theo Khoản 1 Điều 153)</p>
<p>Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên có thể kiêm nhiệm các chức danh quản lý của Công ty.</p>		<p>Bỏ</p>
<p>2. Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Xây dựng số 5 Hà Nội có quyền và nhiệm vụ sau:</p>	<p>2. Hội đồng quản trị của Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p>	
<p>2.1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.</p>	<p>2.1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.</p>	
<p>2.2. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>2.2. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
<p>2.3 Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, thông qua hợp đồng mua bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 135, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>2.3. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p>	<p>Thay đổi (Theo Điểm g Khoản 2 Điều 153)</p>
	<p>2.4. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 3 5% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật này;</p>	<p>Thay đổi (Theo Điểm h Khoản 2 Điều 153)</p>
<p>2.4. Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Giám đốc và các chức danh khác (căn cứ vào phân cấp quản lý cán bộ giữa Hội đồng quản trị với Giám đốc điều hành). Quyết định mức lương, tiền thưởng và lợi ích khác của cán bộ quản lý do Hội đồng quản trị bỏ nhiệm.</p>	<p>2.5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bỏ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p>	<p>Thay đổi (Theo Điểm i Khoản 2 Điều 153)</p>

2.5. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện và việc góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của người đó.	2.6. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;	Thay đổi (Theo Điểm l Khoản 2 Điều 153)
2.6. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.	2.7. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.	Thay đổi (Theo Điểm n Khoản 2 Điều 153)
2.7. Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.	2.8. Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.	
2.8. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty.	2.9. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty.	Thay đổi (Theo Điểm d Khoản 2 Điều 153)
2.9. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng	2.10. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng	
2.10. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác	2.11. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;	Thay đổi (Theo Điểm c Khoản 2 Điều 153)
2.11. Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội cổ đông thông qua quyết định.	2.12. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;	Thay đổi (Theo Điểm m Khoản 2 Điều 153)
2.12. Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.	2.13. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;	Thay đổi (Theo Điểm p Khoản 2 Điều 153)
	2.14. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ công ty.	
	2.15. HĐQT có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của Công ty	
	2.16. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty đối xử bình đẳng với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.	

	2.17. Hội đồng quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi miễn thành viên Hội đồng quản trị và trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị	
	2.18. Hội đồng quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và các quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát và Giám đốc điều hành	
	2.19. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác.	
	2.20. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật	
	2.21. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	
2.13. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.		
3. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.	3. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.	
Nghĩa vụ và trách nhiệm		
1. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.		
2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của Công ty		
3. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty đối xử bình đẳng với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.		

<p>4. Hội đồng quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi miễn thành viên Hội đồng quản trị và trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị</p>		
<p>5. Hội đồng quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và các quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát và Giám đốc điều hành</p>		
<p>6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác.</p>		
<p>7. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật</p>		
<p>Điều 26: Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 26: Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	<p>Thay đổi</p>
<p>1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Thay đổi (Theo Khoản 1 Điều 156)</p>
<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức danh Giám đốc điều hành Công ty, trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p>	<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc điều hành Công ty</p>	<p>Thay đổi (Theo Khoản 2 Điều 156)</p>
<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:</p>	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:</p>	
<p>3.1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>	<p>3.1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>	
<p>3.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>3.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.</p>	
<p>3.3. Tổ chức và thông qua quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>3.3. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	

3.4. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.	3.4. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.	Thay đổi (Theo Điểm d Khoản 2 Điều 156)
3.5. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường.	3.5. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	
3.6. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	3.6. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.	
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo đúng nguyên tắc đa số quá bán.	4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.	Thay đổi (Theo Khoản 4 Điều 156)
Thông báo mời họp được gửi bằng buro điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty, những thủ tục khác theo quy chế riêng của Công ty.	Bỏ vì đã có tại Khoản 4 Điều 27 Điều lệ này	
5. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền có trách nhiệm: Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong phạm vi, thời hạn quy định tại Giấy uỷ quyền và không được uỷ quyền lại cho người thứ ba.	5. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền có trách nhiệm: Thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong phạm vi, thời hạn quy định tại Giấy uỷ quyền và không được uỷ quyền lại cho người thứ ba.	
Điều 27: Cuộc họp của Hội đồng quản trị	Điều 27: Cuộc họp của Hội đồng quản trị	Thay đổi
1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý ít nhất phải họp Hội đồng quản trị một lần.	1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý ít nhất phải họp Hội đồng quản trị một lần.	
2. Cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được tiến hành chậm nhất là 7 ngày khi có:	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:	(Theo Khoản 3 Điều 157)
a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;	a) Có đề nghị của Ban kiểm soát.	Thay đổi

<p>b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác; c. Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;</p>	<p>b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;</p>	
<p>Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p>		
<p>Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>		
<p>3. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên tham dự. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định không đủ số thành viên dự họp theo quy định, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền chủ tọa.</p>	<p>3. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên tham dự. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định không đủ số thành viên dự họp theo quy định, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền chủ tọa.</p>	<p>Thay đổi</p>
<p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp <i>nếu Điều lệ công ty không có quy định khác</i>. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p>	<p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p>	<p>Thay đổi (Bỏ bớt nội dung)</p>
<p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty, những thủ tục khác theo quy chế riêng của Công ty.</p>	<p>Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử nhưng bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.</p>	<p>Khoản 6 Điều 157</p>
<p>5. Cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi chép đầy đủ vào sổ biên bản (Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp của Hội đồng quản trị). Biên bản phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp và được thông qua công khai trong cuộc họp Hội đồng quản trị và phải có đầy đủ chữ ký của những người tham dự.</p>	<p>5. Cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi chép đầy đủ vào sổ biên bản (Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp của Hội đồng quản trị). Biên bản phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp và được thông qua công khai trong cuộc họp Hội đồng quản trị và phải có đầy đủ chữ ký của những người tham dự.</p>	
<p>Điều 28: Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 28: Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Không thay đổi</p>

<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cổ phần Xây dựng số 5 Hà Nội cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị trong Công ty.</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.</p>	<p>Khoản 1 Điều 159</p>
<p>2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Khoản 2 Điều 159</p>
<p>Điều 29: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 29: Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Thay đổi</p>
<p>Thành viên của Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p>	
<p>1. Hết nhiệm kỳ hoặc không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ này.</p>	<p>a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;</p>	
<p>2. Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị pháp luật hoặc Nhà nước cấm.</p>		
<p>3. Có Đơn xin từ chức, được Hội đồng quản trị chấp nhận.</p>	<p>b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p>	
<p>4. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu tháng liên tục trừ trường hợp bất khả kháng.</p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p>	<p>Thay đổi (Theo Điều 160)</p>
<p>5. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p>	
<p>6. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với tổng số đã quy định tại Điều lệ Công ty, thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.</p>		
<p>7. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho các thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p>	<p>3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.</p>	<p>Thay đổi (Theo Điều 160)</p>
	<p>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p>	
	<p>a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</p>	<p>Thay đổi (Theo Điều 160)</p>

	b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.	160)
Điều 30: Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 30: Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị	Không thay đổi
1. Các thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao và các chi phí cần thiết có liên quan đến chỉ đạo, điều hành trong sản xuất kinh doanh của Công ty, tổng mức thù lao do Đại hội đồng cổ đông quyết định.	1. Các thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao và các chi phí cần thiết có liên quan đến chỉ đạo, điều hành trong sản xuất kinh doanh của Công ty, tổng mức thù lao do Đại hội đồng cổ đông quyết định.	
2. Những quyết định của Đại hội đồng cổ đông về quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện bằng quy chế riêng của Công ty và được điều chỉnh tùy theo hiệu quả và kết quả sản xuất kinh doanh, lợi nhuận hàng năm của Công ty.	2. Những quyết định của Đại hội đồng cổ đông về quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện bằng quy chế riêng của Công ty và được điều chỉnh tùy theo hiệu quả và kết quả sản xuất kinh doanh, lợi nhuận hàng năm của Công ty.	
3. Nếu thành viên Hội đồng quản trị kiêm chức danh quản lý, điều hành thì ngoài tiền lương của chức danh đó còn được hưởng quyền lợi tại Khoản 1- Điều này.	3. Nếu thành viên Hội đồng quản trị kiêm chức danh quản lý, điều hành thì ngoài tiền lương của chức danh đó còn được hưởng quyền lợi tại Khoản 1- Điều này.	
CHƯƠNG V	CHƯƠNG V	
GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC	GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC	
Điều 31: Giám đốc	Điều 31: Giám đốc	
Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Giám đốc là người điều hành cao nhất mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.	Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao..	Thay đổi theo Khoản 2 Điều 162
1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một trong số họ, hoặc trong số cổ đông, hoặc thuê người khác làm Giám đốc. Nhưng phải được quá bán số thành viên Hội đồng quản trị nhất trí tán thành thì mới có giá trị.	1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.	Thay đổi theo Khoản 1 Điều 162
2. Tiêu chuẩn lựa chọn Giám đốc:	2. Tiêu chuẩn lựa chọn Giám đốc:	
Giám đốc Công ty phải là người có đầy đủ các điều kiện sau:	Giám đốc Công ty phải là người có đầy đủ các điều kiện sau:	
2.1. Tốt nghiệp đại học chuyên ngành phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty, có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý Công ty, hiểu biết về pháp luật. Năng động sáng tạo dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.	2.1. Tốt nghiệp đại học chuyên ngành phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty, có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý Công ty, hiểu biết về pháp luật. Năng động sáng tạo dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.	
2.2. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, có trách nhiệm với việc bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.	2.2. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, có trách nhiệm với việc bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.	
2.3. Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo pháp luật.	2.3. Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo pháp luật.	

<p>3. Giúp việc Giám đốc có Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các Trưởng phòng, Ban nghiệp vụ, Giám đốc các xí nghiệp thành viên.</p>	<p>3. Giúp việc Giám đốc có Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các Trưởng phòng, Ban nghiệp vụ, Giám đốc các xí nghiệp thành viên.</p>	
<p>4. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và triệt để thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Bị cách chức nếu điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh không có hiệu quả. Trong trường hợp thuê Giám đốc thì Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký hợp đồng với Giám đốc, nhiệm kỳ của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định nhưng không quá năm năm.</p>	<p>4. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và triệt để thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Bị cách chức nếu điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh không có hiệu quả. Trong trường hợp thuê Giám đốc thì Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký hợp đồng với Giám đốc, nhiệm kỳ của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định nhưng không quá 05 năm.</p>	
<p>Điều 32: Giám đốc có quyền hạn, nhiệm vụ và quyền lợi sau</p>	<p>Điều 32: Giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau</p>	Thay đổi
<p>1. Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty cổ phần Xây dựng số 5 Hà Nội và chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao.</p>	<p>1. Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao.</p>	
<p>2. Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau:</p>	<p>2. Giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p>	Thay đổi (Theo Khoản 3 Điều 162)
<p>a. Quyết định về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần có quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p>	
<p>b. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p>	
<p>c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty.</p>	<p>c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;</p>	
<p>d. Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, xây dựng quy chế quản lý nội bộ của Công ty trình Hội đồng quản trị phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện.</p>	<p>d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty; trình ĐHCĐ hoặc HĐQT phê duyệt và tổ chức thực hiện.</p>	
<p>e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý Công ty, trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, cách chức.</p>	<p>đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p>	
<p>f. Tuyển dụng, bố trí, sắp xếp lao động theo yêu cầu của sản xuất kinh doanh phù hợp với Bộ Luật lao động.</p>	<p>e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;</p>	
<p>g. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc.</p>	<p>g) Tuyển dụng lao động;</p>	
<p>h. Khen thưởng và kỷ luật, chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động theo Bộ Luật lao động.</p>	<p>h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p>	
<p>i. Tổ chức công tác thống kê, kế toán, tài chính trong Công ty, xây dựng báo cáo tài chính hàng năm, kiến nghị phương án trả cổ tức; xử lý lỗ trong kinh doanh trình Hội đồng quản trị.</p>		
<p>j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ và quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	
<p>3. Giám đốc chịu sự quản lý trực tiếp của Hội đồng quản trị và sự kiểm tra của Ban kiểm soát Công ty.</p>	<p>3. Giám đốc chịu sự quản lý trực tiếp của Hội đồng quản trị và sự kiểm tra của Ban kiểm soát Công ty.</p>	

4. Giám đốc được hưởng tiền lương, thưởng và các phụ cấp khác (nếu có) do Hội đồng quản trị quyết định.	4. Giám đốc được hưởng tiền lương, thưởng và các phụ cấp khác (nếu có) do Hội đồng quản trị quyết định.	
Điều 33: Nghĩa vụ của người quản lý Công ty cổ phần Xây dựng số 5 Hà Nội	Điều 33: Nghĩa vụ của người quản lý Công ty	Thay đổi
Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty có các nghĩa vụ sau đây:	Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty có trách nhiệm sau đây:	
1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty và cổ đông.	1. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty;	Thay đổi theo điểm a,b khoản 1 Điều 165
2. Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác, không được tiết lộ bí mật của Công ty, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận.	2. Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác, không được tiết lộ bí mật của Công ty, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận.	
3. Khi Công ty cổ phần Xây dựng số 5 Hà Nội không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì:	3. Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì:	
3.1. Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả các chủ nợ biết.	3.1. Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả các chủ nợ biết.	
3.2. Không được tăng lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên Công ty kể cả cho những người quản lý Công ty.	3.2. Không được tăng lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên Công ty kể cả cho những người quản lý Công ty.	
3.3. Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với các chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các Điểm 1 Điểm 2 Điều 33 của Điều lệ này.	3.3. Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với các chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các Điểm 1 Điểm 2 Điều 33 của Điều lệ này.	
3.4. Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty.	3.4. Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty.	
4. Các nghĩa vụ khác do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.	4. Các nghĩa vụ khác do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.	
Điều 34: Các hợp đồng phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận	Điều 34: Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan	
Các hợp đồng giao dịch giữa Công ty cổ phần Xây dựng số 5 Hà Nội với: (i) thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc; (ii) cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 35% số cổ phần có quyền biểu quyết và với người có liên quan của họ; (iii) doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc chỉ được ký kết theo quy định sau đây:	1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan sau đây:	Điều 167
	a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ;	
	b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ;	

	c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của công ty làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần, doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ sở hữu trên 10% vốn điều lệ (theo khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp)	
1. Đối với hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền được biểu quyết.	2. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đối với đối tượng theo quy định tại Khoản 1 Điều 34; hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.	Thay đổi Theo điểm h Khoản 2 Điều 153
2. Đối với các hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có người có liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết	3. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.	Thay đổi theo Khoản 2 Điều 167
3. Trường hợp, hợp đồng quy định tại Mục 1, 2 Điều 34 của Điều lệ này, được ký mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận thì hợp đồng đó mặc nhiên bị vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Người đại diện theo pháp luật của công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.	4. Trường hợp, hợp đồng quy định tại Mục 1, 2 Điều 34 của Điều lệ này, được ký mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận thì hợp đồng đó mặc nhiên bị vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Người đại diện theo pháp luật của công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.	
Điều 35: Ủy quyền, uỷ nhiệm	Điều 35: Ủy quyền, uỷ nhiệm	
1. Giám đốc có thể uỷ quyền hoặc uỷ nhiệm cho Phó Giám đốc hoặc những người có chức danh quản lý khác trong Công ty thay mặt mình thi hành một số nhiệm vụ của Công ty bằng văn bản, nhưng Giám đốc phải chịu trách nhiệm pháp lý trước sự uỷ quyền, uỷ nhiệm.	1. Giám đốc có thể uỷ quyền hoặc uỷ nhiệm cho Phó Giám đốc hoặc những người có chức danh quản lý khác trong Công ty thay mặt mình thi hành một số nhiệm vụ của Công ty bằng văn bản, nhưng Giám đốc phải chịu trách nhiệm pháp lý trước sự uỷ quyền, uỷ nhiệm.	
2. Những người được Giám đốc uỷ quyền, uỷ nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Giám đốc và pháp luật về việc mình làm.	2. Những người được Giám đốc uỷ quyền, uỷ nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Giám đốc và pháp luật về việc mình làm.	
CHƯƠNG VI BAN KIỂM SOÁT	CHƯƠNG VI BAN KIỂM SOÁT	
Điều 36: Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát	Điều 36: Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát	

<p>Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản trị và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông thực hiện các nhiệm vụ được giao.</p>	<p>Bỏ vì đã có tại Điểm 1.1 Khoản 1 Điều 37 Điều lệ này</p>	
<p>1. Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xây dựng số 5 Hà Nội có 03 thành viên. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trực tiếp theo phương thức bầu dồn phiếu. Người trúng cử vào Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát trùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.</p>	<p>1. Ban kiểm soát Công ty có 03 thành viên. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trực tiếp theo phương thức bầu dồn phiếu. Người trúng cử vào Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát trùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.</p>	
<p>2. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên có chuyên môn kế toán hoặc kiểm toán viên. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban, Trưởng Ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.</p>	<p>2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát được quy định tại Điều 39 Điều lệ này. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p>	<p>Thay đổi Theo Khoản 2 Điều 168</p>
<p>3. Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát:</p>	<p>3. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p>	<p>Thay đổi (Theo Điều 169)</p>
<p>3.1. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;</p>	
<p>3.2. Có trình độ đại học trở lên, am hiểu kỹ thuật nghiệp vụ kinh doanh của Công ty.</p>	<p>b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;</p>	
<p>3.3. Có hiểu biết pháp luật, có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết.</p>	<p>c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;</p>	
<p>3.4. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác.</p>	<p>d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;</p>	
<p>3.5. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty.</p>	<p>đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.</p>	
<p>4. Thẻ thức ứng cử và đề cử vào thành viên Ban kiểm soát:</p>	<p>4. Thẻ thức ứng cử và đề cử vào thành viên Ban kiểm soát:</p>	

Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền ứng cử, đề cử người vào Ban Kiểm soát.		Bỏ
Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên; Cổ đông nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên; Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên; Cổ đông nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên.	Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên; Cổ đông nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên; Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên; Cổ đông nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên.	
Người ứng cử hoặc được đề cử vào Ban kiểm soát phải thoả mãn tiêu chuẩn tại Khoản 3 Điều 36 của bản Điều lệ này.	Người ứng cử hoặc được đề cử vào Ban kiểm soát phải thoả mãn tiêu chuẩn tại Khoản 3 Điều 36 của bản Điều lệ này.	
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty cổ phần (những người có liên quan được quy định tại Luật Doanh nghiệp) là những người không được làm thành viên Ban kiểm soát.	Bỏ vì đã có tại các nội dung trên	
6. Các thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp.		Bỏ
Điều 37: Quyền hạn, nhiệm vụ, quyền lợi và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	Điều 37: Quyền hạn, nghĩa vụ, quyền lợi và trách nhiệm của Ban kiểm soát	
1. Quyền hạn, nhiệm vụ:	1. Quyền và nghĩa vụ Ban kiểm soát:	
1.1. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong công tác tổ chức kế toán, thống kê và báo cáo tài chính của Công ty.	1.1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của. công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.	Theo Khoản 1.2 Điều 170
1.2. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.	1.2. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.	
1.3. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	1.3. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.	Thay đổi (Theo Khoản 3 Điều 170)

1.4. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.	1.4. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.	
1.5. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.	1.5. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.	
1.6. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp.	1.6. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.	Thay đổi (Theo Điều 115)
1.7. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.	1.7. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.	Thay đổi (Theo Khoản 2 Điều 115)
Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại Khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.	Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại Khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.	
1.8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp thì phải báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.	1.8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.	Thay đổi (Theo Điều 165)
1.9. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	1.9. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	
2. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, Giám đốc, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.	2. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, Giám đốc, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.	
3. Quyền lợi:	3. Quyền lợi:	

<p>Các thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao và lợi ích khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty trong khi thực hiện nhiệm vụ.</p>	<p>Các thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty trong khi thực hiện nhiệm vụ.</p>	<p>Theo Khoản 1,2,3 Điều 172</p>
<p>4. Nghĩa vụ:</p>	<p>4. Trách nhiệm của kiểm soát viên:</p>	<p>Thay đổi</p>
<p>4.1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.</p>	<p>4.1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.</p>	
<p>4.2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông Công ty.</p>	<p>4.2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.</p>	
<p>4.3. Trung thành với lợi ích của Công ty và của cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</p>	<p>4.3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</p>	
<p>4.4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p>	<p>4.4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	
<p>4.5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các Khoản 4.1; 4.2; 4.3 và 4.4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.</p>	<p>4.5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 4.1, 4.2, 4.3 và 4.4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty.</p>	
<p>Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Khoản 4.3 Điều này đều thuộc sở hữu của Công ty.</p>	<p>Bỏ vì đã có tại Điểm 4.5 Khoản 4 Điều 37</p>	
<p>4.6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p>	<p>4.6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.</p>	
<p>5. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát:</p>	<p>5. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát viên:</p>	
<p>5.1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p>	<p>5.1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p>	<p>Theo Điều 174</p>
<p>+ Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p>	

<p>+ Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 6 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.</p> <p>+ Có đơn xin từ chức.</p> <p>+ Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ công ty;</p> <p>b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>Bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p>	
<p>5.2. Trường hợp ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.</p>	<p>5.2. Trường hợp ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.</p>	
<p>Điều 38: Cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát</p>	<p>Điều 38: Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát</p>	
<p>1. Hội đồng quản trị, Giám đốc, cán bộ quản lý khác, phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p>	<p>1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:</p>	Theo Điều 171
<p>2. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;</p>	
<p>3. Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p>	
<p>4. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của công ty làm việc.</p>	<p>c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.</p>	
	<p>2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.</p>	
	<p>3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.</p>	

Điều 39: Quyền và nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát	Điều 39: Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát	Thay đổi
1. Trưởng Ban kiểm soát có quyền được mời dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.	1. Trưởng Ban kiểm soát có quyền được mời dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.	
2. Trưởng Ban kiểm soát có quyền thay mặt Ban kiểm soát kiến nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường, khi thấy có dấu hiệu tham nhũng, thực hiện trái với Điều lệ và pháp luật hiện hành làm thiệt hại đến tài sản, hiệu quả kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.	2. Trưởng Ban kiểm soát có quyền thay mặt Ban kiểm soát kiến nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường, khi thấy có dấu hiệu tham nhũng, thực hiện trái với Điều lệ và pháp luật hiện hành làm thiệt hại đến tài sản, hiệu quả kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
3. Trưởng Ban kiểm soát có nhiệm vụ lập kế hoạch kiểm tra hàng quý, năm và tổ chức thực hiện kế hoạch đó, có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.	3. Trưởng Ban kiểm soát lập kế hoạch kiểm tra hàng quý, năm và tổ chức thực hiện kế hoạch đó, có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.	Thay đổi
CHƯƠNG VII	CHƯƠNG VII	
LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG	LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG	
Điều 40: Lao động	Điều 40: Lao động	Không thay đổi
Việc tuyển dụng, sử dụng, chấm dứt hợp đồng lao động thực hiện theo Bộ Luật lao động và nội dung hợp đồng lao động đã ký giữa Giám đốc (hoặc người được Giám đốc uỷ quyền) với người lao động.	Việc tuyển dụng, sử dụng, chấm dứt hợp đồng lao động thực hiện theo Bộ Luật lao động và nội dung hợp đồng lao động đã ký giữa Giám đốc (hoặc người được Giám đốc uỷ quyền) với người lao động.	
Điều 41: Tuyển dụng lao động	Điều 41: Tuyển dụng lao động	Không thay đổi
1. Giám đốc có quyền tuyển dụng hoặc chấm dứt hợp đồng lao động theo yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, phù hợp với Bộ Luật lao động.	1. Giám đốc có quyền tuyển dụng hoặc chấm dứt hợp đồng lao động theo yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, phù hợp với Bộ Luật lao động.	
2. Trong quá trình hoạt động, xét thấy cần bổ sung lao động, Công ty sẽ tuyển dụng những người có năng lực, trình độ và khả năng hoàn thành công việc mà Công ty cần (tiêu chuẩn tuyển dụng cho từng loại công việc Công ty sẽ cụ thể hoá khi có nhu cầu tuyển dụng).	2. Trong quá trình hoạt động, xét thấy cần bổ sung lao động, Công ty sẽ tuyển dụng những người có năng lực, trình độ và khả năng hoàn thành công việc mà Công ty cần (tiêu chuẩn tuyển dụng cho từng loại công việc Công ty sẽ cụ thể hoá khi có nhu cầu tuyển dụng).	
3. Ưu tiên tuyển chọn con em cổ đông của Công ty nhưng phải đảm bảo đủ tiêu chuẩn đề ra.	3. Ưu tiên tuyển chọn người thân của cổ đông của Công ty nhưng phải đảm bảo đủ tiêu chuẩn đề ra.	
4. Nếu có trường hợp thừa kế muốn được thay thế làm việc, người đó cũng phải có đủ những tiêu chuẩn quy định và đúng với nhu cầu tuyển dụng.	4. Nếu có trường hợp thừa kế (áp dụng khi chết) hoặc khi nghỉ hưu muốn được thay thế làm việc, người đó cũng phải có đủ những tiêu chuẩn quy định và đúng với nhu cầu tuyển dụng.	
Điều 42: Tiền lương	Điều 42: Tiền lương	Không thay đổi

Tiền lương và các khoản phụ cấp (nếu có), tiền thưởng đối với người lao động thực hiện theo đúng quy định hiện hành của pháp luật và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.	Tiền lương và các khoản phụ cấp (nếu có), tiền thưởng đối với người lao động thực hiện theo đúng quy định hiện hành của pháp luật và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.	
Điều 43: Quyền lợi và trách nhiệm của người lao động:	Điều 43: Quyền lợi và trách nhiệm của người lao động:	Thay đổi
1. Người lao động trong Công ty được hưởng quyền lợi theo quy định của bản Điều lệ này và Bản thoả ước lao động tập thể hợp pháp của Công ty đã đăng ký tại cơ quan lao động địa phương, theo hợp đồng lao động đã được ký và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.	1. Người lao động trong Công ty được hưởng quyền lợi theo quy định của bản Điều lệ này và Bản thoả ước lao động tập thể hợp pháp của Công ty đã đăng ký tại cơ quan lao động địa phương, theo hợp đồng lao động đã được ký và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.	
Người lao động được thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của Bộ Luật lao động.	Người lao động được thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của Pháp luật hiện hành	Thay đổi
2. Người lao động phải chấp hành đầy đủ Điều lệ, nội quy, kỷ luật của Công ty và pháp luật của Nhà nước có liên quan trực tiếp đến nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động. Đối với những trường hợp vi phạm kỷ luật lao động Công ty có quyền xử lý vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm về vật chất theo nội quy lao động của Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.	2. Người lao động phải chấp hành đầy đủ Điều lệ, nội quy, kỷ luật của Công ty và pháp luật của Nhà nước có liên quan trực tiếp đến nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động. Đối với những trường hợp vi phạm kỷ luật lao động Công ty có quyền xử lý vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm về vật chất theo nội quy lao động của Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.	
CHƯƠNG VIII	CHƯƠNG VIII	
TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	
Điều 44: Năm tài chính	Điều 44: Năm tài chính	Thay đổi
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Riêng năm đầu mới thành lập, năm tài chính bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào 31 tháng 12 dương lịch của năm đó.	Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.	Bỏ bớt nội dung
Điều 45: Quyết toán và kế hoạch tài chính	Điều 45: Quyết toán và kế hoạch tài chính	Thay đổi
Hàng năm sau khi kết thúc năm tài chính, chậm nhất là 90 ngày đầu của năm tài chính tiếp theo, Chủ tịch Hội đồng quản trị chuẩn bị tài liệu báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường kỳ về các vấn đề sau:	Hàng năm sau khi kết thúc năm tài chính, chậm nhất là 90 ngày đầu của năm tài chính tiếp theo, Chủ tịch Hội đồng quản trị chuẩn bị tài liệu báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường kỳ về các vấn đề sau:	

- Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty.	a) Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty;	Thay đổi theo Điểm b Khoản 1 Điều 175
- Báo cáo tài chính.	b) Báo cáo tài chính;	
- Báo cáo đánh giá công tác quản lý và điều hành Công ty.	c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty;	
Các báo cáo và tài liệu trên phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.	Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.	Khoản 3 Điều 175
Báo cáo và tài liệu của Hội đồng quản trị, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính của Công ty và chậm nhất mười ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.	Báo cáo và tài liệu của Hội đồng quản trị, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính của Công ty và chậm nhất 21 ngày trước ngày dự kiến khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.	Thay đổi
Điều 46: Thể lệ kế toán	Điều 46: Thể lệ kế toán	Không thay đổi
Thể lệ kế toán căn cứ vào Luật Kế toán của Việt Nam và các văn bản quy định hiện hành của Bộ Tài chính.	Thể lệ kế toán căn cứ vào Luật Kế toán của Việt Nam và các văn bản quy định hiện hành của Bộ Tài chính.	
Điều 47: Phân phối lợi nhuận	Điều 47: Phân phối lợi nhuận	Không thay đổi
Lợi nhuận của Công ty là phần còn lại sau khi lấy Tổng thu trừ Tổng chi và các khoản thuế, các khoản khác phải nộp Nhà nước theo luật định.	Lợi nhuận của Công ty là phần còn lại sau khi lấy Tổng thu trừ Tổng chi và các khoản thuế, các khoản khác phải nộp Nhà nước theo luật định.	
Hội đồng quản trị có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận hàng năm của Công ty và mức trích lập các quỹ như sau:	Hội đồng quản trị có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận hàng năm của Công ty và mức trích lập các quỹ như sau:	
1. Quỹ đầu tư phát triển tối đa: 10% lợi nhuận	1. Quỹ đầu tư phát triển tối đa: 10% lợi nhuận	
2. Quỹ phúc lợi và khen thưởng tối đa: 10% lợi nhuận	2. Quỹ phúc lợi và khen thưởng tối đa: 10% lợi nhuận	
3. Quỹ thưởng cho Ban điều hành và cộng tác viên của Công ty: 1% - 2% lợi nhuận.	3. Quỹ thưởng cho Ban điều hành và cộng tác viên của Công ty: 1% - 2% lợi nhuận.	
Sau khi trích lập các quỹ nói trên, lợi nhuận còn lại được chia cho các cổ phần gọi là cổ tức.	Sau khi trích lập các quỹ nói trên, lợi nhuận còn lại được chia cho các cổ phần gọi là cổ tức.	
Điều 48: Phân chia lợi tức cổ phần	Điều 48: Trả cổ tức	Thay đổi
Lợi tức cổ phần được tạm chia định kỳ mỗi năm 1 lần vào tháng 4 (năm sau) của năm tài chính.	Cổ tức được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.	Thay đổi (Theo Khoản 4 Điều 135)
Việc phân chia cổ tức phải được thực hiện phù hợp quy định của pháp luật.	Việc phân chia cổ tức phải được thực hiện theo quy định tại Điều 135 Luật Doanh nghiệp	
Điều 49: Xử lý kinh doanh khi thua lỗ:	Điều 49: Xử lý kinh doanh khi thua lỗ:	Thay đổi

Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định trích từ quỹ dự trữ để bù đắp hoặc chuyển khoản lỗ sang năm tài chính tiếp theo.	Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định phương án giải quyết theo quy định Pháp luật hiện hành	Thay đổi nội dung
Điều 50: Giải quyết tranh chấp	Điều 50: Giải quyết tranh chấp	Thay đổi
1. Công ty cổ phần Xây dựng số 5 Hà Nội có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, thể nhân khi có tố tụng, tranh chấp.	1. Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi cá nhân, tổ chức khi có tố tụng, tranh chấp.	
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc và người được uỷ quyền là đại diện Công ty trước pháp luật.	2. Giám đốc hoặc người được uỷ quyền là đại diện Công ty trước pháp luật.	
3. Các cổ đông, các thành viên trong Công ty cổ phần Xây dựng số 5 Hà Nội có hành vi vi phạm bản Điều lệ công ty đều bị xử lý. Tùy theo tính chất mức độ vi phạm, người có hành vi vi phạm các quy định của bản Điều lệ này bị xử lý kỷ luật, hoặc truy tố trước pháp luật.	3. Các cổ đông, các thành viên trong Công ty có hành vi vi phạm bản Điều lệ công ty đều bị xử lý. Tùy theo tính chất mức độ vi phạm, người có hành vi vi phạm các quy định của bản Điều lệ này bị xử lý kỷ luật, hoặc truy tố trước pháp luật.	
4. Công ty cổ phần Xây dựng số 5 Hà Nội kế thừa các quy chế, quy định nội bộ của Công ty Xây dựng số 5 Hà Nội đến khi Hội đồng quản trị ban hành quy định mới.	Bỏ vì Công ty đã cổ phần được hơn 10 năm	Bỏ
CHƯƠNG IX	CHƯƠNG IX	
GIẢI THỂ, THANH LÝ VÀ PHÁ SẴN	GIẢI THỂ, THANH LÝ VÀ PHÁ SẴN	
Điều 51 : Giải thể	Điều 51 : Giải thể	Thay đổi
Công ty cổ phần Xây dựng số 5 Hà Nội giải thể trong các trường hợp sau:	Công ty cổ phần Xây dựng số 5 Hà Nội giải thể trong các trường hợp sau:	
1. Hết thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ mà Đại hội đồng cổ đông không tiếp tục xin gia hạn thêm.	1. Hết thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ mà Đại hội đồng cổ đông không tiếp tục xin gia hạn thêm.	
2. Mục tiêu của Công ty không thể thực hiện được nữa hoặc không còn có lợi.	2. Mục tiêu của Công ty không thể thực hiện được nữa hoặc không còn có lợi.	
	3. Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật này trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;	Điểm c Khoản 1 Điều 207
3. Đại hội đồng cổ đông quyết định giải thể, tách ra hoặc sát nhập.	4. Đại hội đồng cổ đông quyết định giải thể, tách ra hoặc sát nhập.	
4. Quyết định của Tòa án đình chỉ hoạt động.	4. Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài.	Khoản 2 Điều 207

5. Bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.	5. Bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.	
Điều 52 : Thanh lý tài sản khi Công ty giải thể	Điều 52 : Thanh toán các khoản nợ khi Công ty giải thể	Thay đổi
1. Khi Công ty bị giải thể, việc quy định trách nhiệm thanh lý và cơ quan giám sát thanh lý được tiến hành theo pháp luật hiện hành.	1. Khi Công ty bị giải thể, việc quy định trách nhiệm thủ tục được tiến hành theo quy định Pháp Luật hiện hành.	
2. Xử lý tài sản khi Công ty giải thể:	Các khoản nợ của công ty khi giải thể được thanh toán theo thứ tự ưu tiên sau:	
Sau khi thanh toán các khoản chi phí phát sinh trong quá trình thanh lý tài sản Công ty được trang trải theo thứ tự ưu tiên như sau:	a) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;	Điểm a,b,c khoản 5 Điều 208
	b) Những khoản nợ ngân sách nhà nước theo chế độ hiện hành; c) Các khoản nợ khác;	
2.1. Hoàn trả các khoản tiền lương, trợ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết.	d) Hoàn trả các khoản nợ cho các chủ nợ Công ty có thể chấp.	
2.2. Trang trải các khoản nợ ngân sách Nhà nước theo chế độ hiện hành.	e) Hoàn trả các khoản nợ cho các chủ nợ Công ty không có thể chấp.	
2.3. Hoàn trả các khoản nợ cho các chủ nợ Công ty có thể chấp.	f) Phần còn lại chia cho các cổ đông theo tỉ lệ cổ phần.	
2.4. Hoàn trả các khoản nợ cho các chủ nợ Công ty không có thể chấp.		
2.5. Phần còn lại chia cho các cổ đông theo tỉ lệ cổ phần.		
Điều 53 : Phá sản doanh nghiệp	Điều 53 : Phá sản doanh nghiệp	Thay đổi
Việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo quy định Luật Phá sản doanh nghiệp	Việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo quy định Luật hiện hành.	Thay đổi
CHƯƠNG X	CHƯƠNG X	
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC	ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC	
Điều 54: Con dấu	Điều 54: Con dấu	Không thay đổi
1. Con dấu của Công ty được khắc theo mẫu quy định thống nhất của Nhà nước, trước khi sử dụng được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Con dấu được lưu giữ tại Công ty.	1. Con dấu của Công ty được khắc theo mẫu quy định thống nhất của Nhà nước, trước khi sử dụng được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Con dấu được lưu giữ tại Công ty.	
2. Hội đồng quản trị, Giám đốc có trách nhiệm quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	2. Hội đồng quản trị, Giám đốc có trách nhiệm quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	
Điều 55: Tuân thủ pháp luật	Điều 55: Tuân thủ pháp luật	Không thay đổi
Những nội dung không được ghi trong bản Điều lệ này sẽ được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành.	Những nội dung không được ghi trong bản Điều lệ này sẽ được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành.	
Điều 56 : Đăng ký Điều lệ	Điều 56 : Đăng ký Điều lệ	Thay đổi

<p>1. Bản Điều lệ này gồm 10 Chương (mười Chương) 56 Điều (năm mươi sáu Điều) 43 trang (bốn mươi ba trang gồm: Điều lệ Công ty từ trang 1 đến trang 39; mục lục từ trang 40 đến trang 43) được lập thành 20 bản có giá trị như nhau và được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Xây dựng số 5 Hà Nội thông qua ngày 27 tháng 05 năm 2020.</p>	<p>1. Bản Điều lệ này gồm 10 Chương (mười Chương) 56 Điều (năm mươi sáu Điều) 43 trang (bốn mươi ba trang gồm: Điều lệ Công ty từ trang 1 đến trang 39; mục lục từ trang 40 đến trang 43) được lập thành 20 bản có giá trị như nhau và được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 20..... Công ty thông qua ngày tháng năm 20.....</p>	<p>Sẽ Điều chỉnh lại sau khi hoàn thiện Điều lệ</p>
<p>2. Các bản Điều lệ này phải do Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị ký mới có giá trị.</p>	<p>2. Các bản Điều lệ này phải do Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị ký mới có giá trị.</p>	
<p>3. Các bản sao trích lục Điều lệ này phải do Chủ tịch Hội đồng quản trị và 1/2 số thành viên Hội đồng quản trị ký mới có giá trị.</p>	<p>3. Các bản sao trích lục được sao y từ bản chính và được ký, đóng dấu xác nhận của công ty.</p>	<p>Thay đổi</p>
<p>Bản Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua.</p>	<p>Bản Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 20.... thông qua.</p>	